

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **07/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 03/01/2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1314/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 506/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 421/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Trọng Th**, sinh năm 1983 – Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố Kiên T, thị trấn Kiên L, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông **Huỳnh Hữu Tr**, sinh năm 1984 – Vắng mặt.

Địa chỉ: C13/248 ấp 3, xã Đa P, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 27/9/2018, bản tự khai ngày 19/11/2018, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được cùng ngày 13/11/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trọng Th trình bày:

Bà Nguyễn Thị Trọng Th và ông Huỳnh Hữu Tr chung sống với nhau từ năm 2013, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Kiên L, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 184/2014, quyển số I/2014. Từ khi về sống chung ông bà đã không hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông Tr không có việc làm ổn định, thường xuyên rượu chè, không lo cho gia đình. Vợ chồng bà chỉ sống chung với nhau được 07 (bảy) tháng tại huyện Trà O, thành phố Long X, An Giang; sau

đó, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng bà cũng đã sống ly thân hơn 03 (ba) năm nên nay bà Nguyễn Thị Trong Th yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Hữu Tr.

Về con chung: Bà Th và ông Tr chung sống có 01 con chung tên là Huỳnh Pu T1 (nam), sinh ngày 17/6/2014. Khi ly hôn, bà Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con vì bà Th có khả năng. Mặt khác, từ khi sinh ra đến nay, trẻ Pu T1 sống chung với bà Th, ông Tr không thăm con hay cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trong Th xác nhận không có tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Huỳnh Hữu Tr vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa mà không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến như sau: Về Tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Trong Th đối với ông Huỳnh Hữu Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Trong Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Hữu Tr. Căn cứ vào Phiếu trả lời xác minh ngày 07/11/2019 của Công an xã Đa P, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Huỳnh Hữu Tr có hộ khẩu thường trú và đang thực tế cư trú tại địa chỉ: C13/248 ấp 3, xã Đa P, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

+ Ông Huỳnh Hữu Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Hữu Tr.

+ Bà Nguyễn Thị Trong Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Trong Th.

[3] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 184/2014, quyền số I/2014 do Ủy ban nhân dân thị trấn Kiên L, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19/7/2014 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Trong Th và ông Huỳnh Hữu Tr là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Trong Th trình bày bà Nguyễn Thị Trong Th và ông Huỳnh Hữu Tr chung sống với nhau từ 19/7/2014, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 184/2014, quyển số I/2014 vào ngày 19/7/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Kiên L, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang. Bà Th và ông Tr chỉ chung sống với nhau có 07 (bảy) tháng và không hạnh phúc trong suốt thời gian sống với nhau. Nguyên nhân là do ông Tr không có việc làm ổn định, thường xuyên rượu chè, không lo cho gia đình. Bà Nguyễn Thị Trong Th và Ông Huỳnh Hữu Tr đã sống ly thân từ hơn 03 (ba) năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà Nguyễn Thị Trong Th yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Hữu Tr.

Hiện nay, bà Nguyễn Thị Trong Th và ông Huỳnh Hữu Tr mỗi người sống mỗi nơi không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mục đích hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Trong Th và ông Huỳnh Hữu Tr đã không còn, bà Nguyễn Thị Trong Th không muốn chung sống với ông Huỳnh Hữu Tr nữa.

Căn cứ vào Biên bản xác minh thực tế ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đa P, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh về việc tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị Trong Th và ông Huỳnh Hữu Tr thì: *“Bà Nguyễn Thị Trong Th và ông Huỳnh Hữu Tr trước đây từng sống với nhau tại địa chỉ: C13/248 ấp 3, xã Đa P, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống có 01 con chung tên là Huỳnh Pu T1. Tuy nhiên, do mâu thuẫn nên bà Th và con đã về quê sinh sống hơn một năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không rõ”*.

Ông Huỳnh Hữu Tr dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản thể hiện yêu cầu của nguyên đơn gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án, cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặt khác, ông Huỳnh Hữu Tr cũng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Nguyễn Thị Trong Th. Như vậy, ông Huỳnh Hữu Tr đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên ông Huỳnh Hữu Tr phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: *“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”*, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Nguyễn Thị Trong Th yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Hữu Tr là hoàn toàn phù hợp.

Từ những căn cứ và nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của của bà Nguyễn Thị Trong Th đối với ông Huỳnh Hữu Tr.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ lời khai của bà Th và Biên bản xác minh thực tế ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đa P, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị Trong Th

và ông Huỳnh Hữu Tr thì: *Quá trình chung sống có 01 con chung tên là Huỳnh Pu T1. Tuy nhiên, do mâu thuẫn nên bà Th và con đã về quê sinh sống hơn một năm nay.*

Tại phiên tòa ông Huỳnh Hữu Tr vắng mặt, không có bất kỳ văn bản nào trình bày nguyện vọng về con chung khi ly hôn.

Xét thấy nguyện vọng của bà Nguyễn Thị Trong Th về con chung là phù hợp và cũng thuận lợi nhất cho con trẻ vì bà Nguyễn Thị Trong Th là mẹ lại gần gũi và chăm sóc trẻ từ nhỏ nên bà Nguyễn Thị Trong Th có điều kiện chăm sóc con chung tốt hơn ông Huỳnh Hữu Tr.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Trong Th về con chung. Giao trẻ Huỳnh Pu T1 (nam), sinh ngày 17/6/2014 cho bà Nguyễn Thị Trong Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Trong Th về việc không yêu cầu ông Huỳnh Hữu Tr cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trong Th xác định bà Nguyễn Thị Trong Th và ông Huỳnh Hữu Tr chung sống không có tài sản chung, không nợ ai.

Ông Huỳnh Hữu Tr vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại Tòa hôm nay, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà Nguyễn Thị Trong Th và ông Huỳnh Hữu Tr.

Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà Nguyễn Thị Trong Th và ông Huỳnh Hữu Tr. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Trong Th phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Trong Th đối với ông Huỳnh Hữu Tr.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Trong Th và ông Huỳnh Hữu Tr chấm dứt. Giấy chứng nhận kết hôn số 184/2014, quyền số I/2014 do Ủy ban nhân dân thị trấn Kiên L, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19/7/2014 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Huỳnh Pu T1 (nam), sinh ngày 17/6/2014 cho bà Nguyễn Thị Trong Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi con đối với ông Huỳnh Hữu Tr do bà Nguyễn Thị Trọng Th có khả năng và không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Trọng Th xác định bà Nguyễn Thị Trọng Th và ông Huỳnh Hữu Tr chung sống không có tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị Trọng Th và ông Huỳnh Hữu Tr. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trọng Th xác định bà Nguyễn Thị Trọng Th và ông Huỳnh Hữu Tr chung sống không nợ ai. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa bà Nguyễn Thị Trọng Th và ông Huỳnh Hữu Tr. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Trọng Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006127 ngày 09/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Trọng Th đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Trọng Th và ông Huỳnh Hữu Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sự (4);
- UBND thị trấn Kiên L, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền